

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XV đã thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (Luật số 13/2022/QH15), Luật có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023. Theo đó, Luật được ban hành với những nội dung cơ bản như sau:

1. Sự cần thiết sửa đổi Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được ban hành đã đưa Việt Nam là một trong số quốc gia tiên phong luật hóa những vấn đề cơ bản trong hiến chương của Liên hợp quốc về quyền con người. Vấn đề này, thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Nhà nước ta trong thực hiện các điều ước quốc tế, kiên quyết đấu tranh chống lại những hành vi tiêu cực trái với giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình, xóa bỏ những hủ tục, tư tưởng lạc hậu để xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Sau gần 15 năm thi hành Luật, nhận thức của người dân, cộng đồng và chính quyền các cấp đã chuyển biến tích cực. Trách nhiệm phòng, chống bạo lực gia đình (BLGD) không chỉ riêng của một ngành, một cấp mà thuộc trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội. Mọi hành vi BLGD đều bị lên án và xử lý. Tình trạng BLGD đã có xu hướng giảm đáng kể theo từng năm cả về số vụ và mức độ bạo lực.

Mặc dù đạt được kết quả nêu trên, song tình trạng BLGD vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường. Một số địa phương vẫn xảy ra các vụ BLGD nghiêm trọng. Điều tra quốc gia bạo lực với phụ nữ được Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Tổng Cục thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam thực hiện năm 2019, công bố năm 2020 cho thấy có 31,6% phụ nữ phải chịu ít nhất một hình thức bạo lực trong 12 tháng (kể từ lúc điều tra), cứ 3 phụ nữ thì có gần 1

người (32%) bị chồng bạo lực thể xác/hoặc bạo lực tình dục. Đáng chú ý có 90,4% phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác hoặc tình dục không tìm kiếm sự giúp đỡ, chỉ có 4,8% tìm kiếm sự giúp đỡ của công an, kết quả điều tra cho thấy năm 2019, bạo lực gia đình với phụ nữ gây thiệt hại 1,8% GDP (tăng 0,2% so với năm 2012).

Từ thực trạng tình hình bạo lực gia đình cho thấy, BLGD vẫn còn khá phổ biến không chỉ ở nhóm đối tượng là phụ nữ mà còn ở người già, trẻ em và các đối tượng khác. Vì vậy, việc sửa đổi Luật Phòng, chống BLGD hiện hành là thực sự cần thiết nhằm:

- Thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước;
- Khắc phục những bất cập của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hiện hành;
- Bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

2. Quan điểm, mục tiêu chính sách Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)

2.1. Quan điểm của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)

Một là, tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng về gia đình, trực tiếp là Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước cũng như Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII cũng đề ra các quan điểm, chủ trương, giải pháp cụ thể cho việc thực hiện các biện pháp phát triển gia đình hạnh phúc, bền vững và thực hiện phòng, chống BLGD toàn diện, khả thi, có hiệu quả.

Hai là, bảo đảm phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng về hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng gia đình Việt Nam và phòng, chống BLGD trong tình hình mới; cụ thể hóa đầy đủ quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, xây dựng và phát triển gia đình, bảo vệ các đối tượng yếu

thể trong mỗi gia đình; bảo đảm thiết lập các nguyên tắc và biện pháp phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam.

Ba là, tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tham gia, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, khả thi, phù hợp giữa các cam kết quốc tế và tình hình thực tiễn của Việt Nam.

Bốn là, kế thừa đầy đủ các chế định cơ bản của Luật hiện hành còn phù hợp, có điều chỉnh, sửa đổi để khắc phục những vướng mắc, bất cập và bổ sung những vấn đề mới phát sinh.

2.2. Mục tiêu của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) hướng tới hoàn thiện thể chế về công tác phòng, chống bạo lực gia đình theo hướng tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền con người theo Hiến pháp năm 2013; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các thiết chế nhà nước, xã hội cũng như vai trò của gia đình về lĩnh vực này, góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tình hình mới.

3. Bố cục, nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)

3.1. Bố cục Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)

Gồm 6 Chương, 56 Điều:

- Chương I: Những quy định chung gồm 12 Điều (*Điều 1 - Điều 12*);
- Chương II: Phòng ngừa bạo lực gia đình gồm 6 Điều (*Điều 13 - Điều 18*);
- Chương III: Bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình gồm 22 Điều (*Điều 19 - Điều 41*);
- Chương IV: Điều kiện bảo đảm phòng, chống BLGD gồm 4 Điều (*Điều 42 - Điều 45*);
- Chương V: Quản lý Nhà nước và trách nhiệm của cơ quan tổ chức về phòng, chống BLGD gồm 9 Điều (*Điều 46 - Điều 54*);
- Chương VI: Điều khoản thi hành gồm 2 Điều (*Điều 55 - Điều 56*).

3.2. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống BLGD; điều kiện bảo đảm phòng, chống BLGD; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống BLGD.

3.3. Nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đáp ứng yêu cầu phát sinh trong thực tiễn và khắc phục những bất cập trong các quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. Luật đã bám sát phương pháp tiếp cận quyền con người, bảo đảm quyền con người, đặc biệt là đối tượng đặc thù như phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, ưu tiên nguyện vọng chính đáng, sự an toàn là trên hết của người bị BLGD, đồng thời tôn trọng các quyền của công dân khi xử lý các hành vi vi phạm về BLGD. Các yếu tố về văn hóa, gia đình, đặc điểm tâm lý của các nhóm đối tượng và đặc thù vùng miền, dân tộc cũng đã được quan tâm, xem xét khi thiết kế các quy định để bảo đảm tính hiệu quả, nghiêm minh, góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chương I (Những quy định chung): Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, hành vi BLGD; nguyên tắc phòng, chống BLGD; các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống BLGD; chính sách của Nhà nước về phòng, chống BLGD; tháng hành động quốc gia phòng, chống BLGD; hợp tác quốc tế về phòng, chống BLGD; quyền và trách nhiệm của người bị BLGD; trách nhiệm của người có hành vi BLGD; trách nhiệm của thành viên gia đình trong phòng, chống BLGD; quyền và trách nhiệm của cá nhân trong phòng, chống BLGD.

Chương II (Phòng ngừa BLGD): Chương này quy định về mục đích, yêu cầu trong thông tin, truyền thông, giáo dục; nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục; hình thức thông tin, truyền thông, giáo dục; tư vấn về phòng, chống BLGD; hòa giải trong phòng, chống BLGD; chủ thể tiến hành hòa giải.

Chương III (Bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống BLGD): Chương này quy định về báo tin, tố giác về hành vi BLGD; xử lý tin báo, tố giác về hành vi BLGD; sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi BLGD; biện pháp

ngăn chặn hành vi BLGD và bảo vệ, hỗ trợ người bị BLGD; buộc chấm dứt hành vi BLGD; yêu cầu người có hành vi BLGD đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi BLGD; cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; cấm tiếp xúc theo quyết định của Tòa án; giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc; bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; chăm sóc, điều trị người bị BLGD; trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với BLGD; giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi BLGD; góp ý, phê bình người có hành vi BLGD trong cộng đồng dân cư; thực hiện công việc phục vụ cộng đồng; bảo vệ người tham gia phòng, chống BLGD và người báo tin, tố giác về BLGD; cơ sở trợ giúp phòng, chống BLGD; địa chỉ tin cậy; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở trợ giúp xã hội, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống BLGD; cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống BLGD; xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống BLGD.

Chương IV (Điều kiện bảo đảm phòng, chống BLGD): Chương này quy định về kinh phí phòng, chống BLGD; cơ sở dữ liệu về phòng, chống BLGD; phối hợp liên ngành về phòng, chống BLGD; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tham gia phòng, chống BLGD.

Chương V (Quản lý Nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về phòng, chống BLGD): Chương này quy định nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống BLGD; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống BLGD; trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp; trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; trách nhiệm của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế.

Chương VI (Điều khoản thi hành): Chương này quy định về việc sửa đổi, bổ sung Điều 135 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự và hiệu lực thi hành.

3.4. Những điểm mới của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) đã có nhiều điểm mới phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Một số điểm mới tập trung vào các nội dung sau:

a) Tiếp cận dựa trên quyền con người và lấy người bị BLGD là trung tâm

Sửa đổi, bổ sung các hành vi BLGD; sửa đổi, bổ sung nhóm đối tượng được áp dụng tương tự; bổ sung quy định để tăng tính khả thi áp dụng Luật đối với người nước ngoài cư trú ở Việt Nam.

b) Thực hiện phòng ngừa BLGD, trong phòng có chống, trong chống có phòng

Sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin, truyền thông, giáo dục; nội dung tư vấn, đối tượng cần tập trung tư vấn và quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng trong phòng, chống BLGD; sửa đổi quy định về hòa giải nhằm tránh lợi dụng hòa giải để trốn tránh xử lý hành vi BLGD; bổ sung “*Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống BLGD*”, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong xử lý tin báo, tố giác về hành vi BLGD và sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi BLGD.

c) Sửa đổi, bổ sung các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống BLGD để khắc phục những bất cập của Luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn

Bổ sung biện pháp yêu cầu người có hành vi BLGD đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi BLGD; thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Tòa án tự mình ban hành quyết định cấm tiếp xúc, đơn giản hóa thủ tục; quy định về giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc; biện pháp giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi BLGD; biện pháp “*thực hiện công việc phục vụ cộng đồng*”; bảo vệ người tham gia phòng, chống BLGD và người báo tin, tố giác về BLGD.

d) Khuyến khích xã hội hóa công tác phòng, chống BLGD, đồng thời

nâng cao trách nhiệm của Nhà nước trong bố trí nguồn lực cho phòng, chống BLGD để hướng tới xây dựng và phát triển các cơ sở trợ giúp về phòng, chống BLGD hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả

Quy định về cơ sở trợ giúp phòng, chống BLGD, cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống BLGD; bổ sung các quy định về điều kiện bảo đảm thực hiện phòng, chống BLGD như quy định về kinh phí phòng, chống BLGD, cơ sở dữ liệu về phòng, chống BLGD, phối hợp liên ngành về phòng, chống BLGD, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tham gia phòng, chống BLGD.

đ) Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống BLGD và cơ quan, tổ chức có liên quan trong phòng, chống BLGD

Bổ sung trách nhiệm của Chính phủ định kỳ 02 năm một lần hoặc đột xuất báo cáo Quốc hội về công tác phòng, chống BLGD; trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống BLGD./.
